

Số: 54 /TB-UBND

Kim Bôi, ngày 29 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO
Tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo
tại Hội đồng tuyển dụng viên chức huyện Kim Bôi năm 2023

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 22/11/2019 của chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ các Văn bản của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình: Công văn số 931/HD-SNV ngày 09/4/2021 về việc hướng dẫn tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, chuyển công chức, viên chức; Công văn số 1054/SNV-TCBC ngày 04/4/2023 về việc cơ cấu chuyên môn thực hiện kế hoạch biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2022 - 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi; Công văn số 2213/SNV-CCVC ngày 29/6/2023 về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2023 của UBND huyện Kim Bôi.

Thực hiện Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 29/6/2023 của UBND huyện Kim Bôi về việc Tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2023.

Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi thông báo tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo chỉ tiêu năm 2023 tại huyện Kim Bôi, cụ thể như sau:

I. CHỈ TIÊU, CHUYÊN NGÀNH, HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG

1. Số lượng chỉ tiêu, chuyên ngành tuyển dụng 43 chỉ tiêu, trong đó:

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Trình độ	Vị trí việc làm
I	Khối Mầm non (Giáo dục mầm non; sư phạm mầm non)	04	Cao đẳng trở lên	Giáo viên mầm non
II	Khối Tiểu học (Sư phạm tiểu học, Giáo dục tiểu học)	33	Đại học trở lên	Giáo viên tiểu học
III	Khối Trung học cơ sở	06		

1	Sư phạm: Toán; Lý; Công nghệ; Toán - Lý; Toán – Tin; Toán – Kỹ thuật; Lý – Công nghệ; Lý – Kỹ thuật	02	Đại học trở lên	Giáo viên trung học cơ sở
2	Sư phạm: Hóa học; Địa lý; Sinh học; Hóa – Sinh; Hóa – Địa; Sinh Địa.	02	Đại học trở lên	Giáo viên trung học cơ sở
3	Sư phạm Tiếng Anh	02	Đại học trở lên	Giáo viên trung học cơ sở

2. Hình thức và nội dung tổ chức tuyển dụng

2.1. Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển

Việc tuyển dụng thực hiện bằng hình thức thông qua Xét tuyển, gồm 02 vòng thi, cụ thể như sau:

2.1.1. Vòng 1: Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển

Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ điều kiện thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2.1.2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Hình thức thi: Phỏng vấn.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành căn cứ vào nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút (*trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị*);

- Thang điểm (*thi phỏng vấn*): 100 điểm.

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn tại vòng 2, kết quả xét tuyển là tổng số điểm phỏng vấn và điểm ưu tiên (nếu có).

(*Có danh mục tài liệu ôn thi cho từng vị trí việc làm kèm theo*)

2.2. Xác định người trúng tuyển

a) Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao

hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

c) Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG

1. Đối tượng, điều kiện chung

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có đủ văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn đối với thí sinh dự tuyển theo từng vị trí việc làm

2.1. Người đăng ký dự tuyển giáo viên Mầm non phải có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm mầm non, giáo dục mầm non trở lên và đủ điều kiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự tuyển tại Thông tư 01/2021/TT-BGGĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

2.2. Người đăng ký dự tuyển giáo viên Tiểu học phải có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo sư phạm tiểu học, giáo dục tiểu học, đối với giáo viên Tiểu học hoặc có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đủ điều kiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự tuyển tại Thông tư 02/2021/TT-BGGĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.

2.3. Người đăng ký dự tuyển giáo viên Trung học cơ sở phải có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên Trung học cơ sở hoặc có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên Trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đủ điều kiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự tuyển tại Thông tư 03/2021/TT-BGGĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.

2.4. Người đăng ký dự tuyển vào các vị trí việc làm Giáo viên Mầm non, Giáo viên Tiểu học, Giáo viên Trung học cơ sở, ngoài việc đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự tuyển quy định tại các Thông tư số

01/2021/TT-BGD&ĐT; Thông tư số 02/2021/TT-BGD&ĐT; Thông tư số 03/2021/TT-BGD&ĐT còn phải đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn tại Thông tư số 08/2023 ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGD&ĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGD&ĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGD&ĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGD&ĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Nội dung ôn tập

Người đăng ký dự tuyển ôn tập các nội dung theo danh mục tài liệu kèm theo Thông báo này.

2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ và kê khai đầy đủ các nội dung theo yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp hồ sơ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm có:

- (1) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu Phụ lục ban hành theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ).
 - (2) Bản cam kết công tác tại trường học thuộc Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi từ 5 năm trở lên (*không kể thời gian tập sự*);
 - (3) Bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp chuyên ngành; bảng điểm kết quả học tập theo đúng vị trí đăng ký dự tuyển;
 - (4) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên được cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu thí sinh đăng ký dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên);
 - (5) Bản sao có chứng thực Giấy khai sinh bản chính nếu thí sinh là người dân tộc thiểu số;
 - (6) Hai ảnh 4x6, kiểu ảnh chứng minh nhân dân, thời gian chụp không quá 6 tháng; ghi đủ họ tên và ngày, tháng, năm sinh phía sau ảnh;
 - (7) 03 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ của người nhận, nơi nhận.
- * **Lưu ý:** Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký tuyển dụng vào một chỉ tiêu, vị trí tuyển dụng, nếu thí sinh đăng ký dự thi vào 02 chỉ tiêu, vị trí tuyển dụng trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách dự thi.

3. Hồ sơ sau khi trúng tuyển

Sau khi có thông báo kết quả thi tuyển, người trúng tuyển phải đến Hội đồng tuyển dụng viên chức để xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên (nếu có) theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng; hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ tuyển dụng theo quy định. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng không đúng quy định thì sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

Hồ sơ gồm có:

- Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (theo mẫu quy định);
- Bản sao giấy khai sinh;
- Bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang Tiếng Việt (bản sao có chứng thực và bản chính để đối chiếu);
- Giấy tờ có chứng nhận ưu tiên (bản sao có chứng thực);
- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền từ cấp huyện, thành phố trở lên cấp và có giá trị trong vòng 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị ra quyết định tuyển dụng (bản chính);
- Phiếu lý lịch tư pháp (bản chính).

4. Thời gian, địa điểm đăng ký và nhận hồ sơ dự tuyển

4.1. Thời gian đăng ký và nhận hồ sơ dự tuyển

Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 7 năm 2023 (*Trong giờ hành chính, trừ ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định*).

4.2. Địa điểm nhận hồ sơ dự tuyển

Tại phòng Nội vụ huyện Kim Bôi.

Địa chỉ: Khu Đoàn Kết, Thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Trong quá trình lập hồ sơ đăng ký dự tuyển, nếu có vướng mắc, đề nghị người đăng ký dự tuyển liên hệ trực tiếp về Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi (qua Phòng Nội vụ) để được hướng dẫn.

5. Thời gian, địa điểm tổ chức thi tuyển

Hội đồng tuyển dụng sẽ có thông báo đến từng thí sinh đăng ký dự tuyển.

Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (BC);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện (BC);
- Các phòng chuyên môn;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện;
- Chánh, các Phó CVP HĐND và UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, PNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Điệp

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Kim Bôi)

I. VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH/2014 ngày 25/11/2019.
2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.
3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.
4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
5. Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ Trường mầm non.
6. Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên Trung tâm Giáo dục thường xuyên.
7. Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/2/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.
8. Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.
9. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về đạo đức nhà giáo.
10. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

II. VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH/2014 ngày 25/11/2019.
2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.
3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.
4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

5. Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường Tiểu học.

6. Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/2/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.

7. Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên.

8. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

9. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về đạo đức nhà giáo.

10. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

III. VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH/2014 ngày 25/11/2019.

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.

3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

5. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

6. Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/2/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.

7. Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên Trung tâm Giáo dục thường xuyên.

8. Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và Trung học phổ

thông. Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đánh giá, xếp loại học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về đạo đức nhà giáo.

10. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.
